

## KÍ HIỆU HỌC DỊCH THUẬT: KÍ HIỆU VÀ HỆ HÌNH TRONG BỐI CẢNH SỐ HOÁ

**Nguyễn Quốc Thắng**

*Trường Đại học Văn Lang, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Quốc Thắng - Email: [thang.nq@vlu.edu.vn](mailto:thang.nq@vlu.edu.vn)*

*Ngày nhận bài: 04-01-2021; ngày nhận bài sửa: 15-5-2021; ngày duyệt đăng: 17-6-2021*

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này thông qua hai góc độ tiếp cận ký hiệu học, đặt ra vấn đề dịch thuật từ cách tiếp cận ký hiệu học và bản thân vấn đề hệ hình ký hiệu học dịch thuật. Bởi, vấn đề ký hiệu học dịch thuật và điều kiện để hình thành tri thức về nó trong bối cảnh số hóa không tách khỏi nguồn gốc lý thuyết về ký hiệu. Vì vậy, cách triển khai của tác giả, một mặt, cho phép đặt ra những vấn đề về lý thuyết, mặt khác, gợi mở một số khía cạnh về phương pháp.

**Từ khóa:** hệ hình; ký hiệu; ký hiệu học; ký hiệu học dịch thuật; số hóa.

### 1. Mở đầu

Được hình thành trên lý thuyết về logic - ký hiệu học của Peirce và ký hiệu học cấu trúc của Saussure, ký hiệu học dịch thuật sử dụng phương pháp tư duy tìm kiếm và phân tích ký hiệu để hình thành các cách giải thích và xác định sự phân cấp ký hiệu đối với một đối tượng văn bản. Từ cách tiếp cận ký hiệu học, dịch thuật được xem là sự dịch chuyển từ một mô hình ý nghĩa và quá trình biểu đạt trong khuôn khổ các thuật ngữ logic, được tập hợp dưới hai dạng: thuật ngữ có tính liên hệ và không có tính liên hệ trong văn bản nguồn và văn bản đích. Trong khuôn khổ này, dựa trên lý thuyết của Peirce, ký hiệu được phân chia thành ký hiệu đại diện (representamen), ký hiệu được giải thích (interpretant) và ký hiệu đối tượng (object). Quá trình biểu đạt của dịch thuật có thể được phân tích dưới các cặp nhị phân: cái biểu đạt và cái được biểu đạt, ngôn ngữ và lời nói, nghĩa sở thị và nghĩa liên tưởng (dựa trên lý thuyết của Saussure, Barthes) (Roland, 2020, 26). Cho đến nay, ở Việt Nam, chưa có nghiên cứu nào đặt vấn đề một cách trực tiếp về ký hiệu học dịch thuật. Các công

trình về ký hiệu ngôn ngữ, thi pháp dịch thuật tuy có nhắc đến một số khái niệm liên quan đến ký hiệu học (vì ta biết rằng ngôn ngữ học là ngành nền tảng của ký hiệu học) nhưng chưa triển khai vấn đề ký hiệu học dịch thuật (Mai, 2008; T. G. Nguyen, 1997; D. B. Nguyen, 2016). Tuy nhiên, trên thế giới, mối quan hệ giữa ký hiệu học và dịch thuật, phân tích dịch thuật dưới góc nhìn ký hiệu đã được bàn đến từ lâu. Thuật ngữ semiotranslation (sémiotraduction) không chỉ được phân tích trong các nghiên cứu ký hiệu học mà cả trong các nghiên cứu dịch thuật học (Chesterman, 1997; Deledalle-Rhodes, 1988; Gambier, 2016; Lawendowski, 1978; Ludskanov, 1975). Vấn đề hệ hình và dịch thuật đa phương tiện từng được Rovena Trope (2015), Dinda L. Gorlee (2016) và Antonino Velez (2012) kiến giải. Dựa trên mô hình hình vuông ký hiệu học của Greimas, Rovena Trope đưa ra các hệ hình khác biệt, tương đương và đối lập mà theo chúng tôi là ít có triển vọng vì tính đơn giản hóa trong cách triển khai của Greimas. Dinda L. Gorlee tập trung phân tích vấn đề thuật ngữ để đưa ra phạm vi lý thuyết. Antonino Velez chỉ ra vấn đề dịch thuật đa phương tiện bằng việc phân tích tác phẩm điện ảnh *Respiro* của Emanuele Crialese. Hai hướng đi này đều có những đóng góp trong việc định hình vấn đề ký hiệu học dịch thuật về lý thuyết và phân tích các thể loại văn bản, hình ảnh trong một bối cảnh mới. Tuy nhiên, theo chúng tôi, với tính chất liên ngành của vấn đề và với tình hình nghiên cứu về lĩnh vực này như ở Việt Nam hiện nay,

**Cite this article as:** Nguyen, Q. T. (2021). Semiotics of translation: sign and paradigm in context of digitalization. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, 11(1), 28-35. <https://doi.org/10.47393/jshe.v11i1.913>

việc xem xét các khả năng lý thuyết trở nên cần thiết hơn ứng dụng vấn đề trong các trường hợp cụ thể. Từ việc phân tích hệ hình dịch thuật, xác định các yếu tố kí hiệu trong khuôn khổ của thao tác dịch, bài viết bàn về tri thức nền tảng của kí hiệu học dịch thuật và các vấn đề của hệ hình trong bối cảnh số hóa.

## 2. Nội dung

### 2.1. Dịch thuật và kí hiệu: nền tảng lý thuyết

Nói một cách ngắn gọn, mục đích lý tưởng của dịch thuật là sự thay thế hoàn hảo văn bản trong ngôn ngữ nguồn bằng một văn bản tương đương của một ngôn ngữ khác. Đây không đơn thuần là quá trình chuyển dịch ngôn ngữ mà là sự sáng tạo lại trong một ngôn ngữ khác được thực hiện bởi nhân tố chủ thể (dịch giả) để tái hiện (tương đương lại, tái mô hình, tái dựng lại) chủ đề, không gian của văn bản nguồn trong một văn bản đích. Nguồn gốc của quá trình dịch thuật là sự khả dịch, tương đương bởi cái tôi của dịch giả, được gọi cảm hứng từ bản gốc. Sau đó, dịch giả phải chú ý đến bối cảnh văn hóa của thông điệp, văn bản, bao hàm sự tương đương ngôn ngữ - văn hóa trong hai ngôn ngữ. Những khái niệm về ngôn ngữ và văn hóa buộc phải tương tự trong phiên bản dịch hoàn chỉnh. Các nhân tố bên ngoài (người đọc, phê bình) giúp dịch giả phân biệt và tối ưu hóa các giải pháp. Xem xét dịch thuật từ điểm nhìn kí hiệu học là cách tiếp cận có tính hai mặt của kí hiệu và đối tượng<sup>1</sup>. Điểm nhìn này có xu hướng bị chi phối bởi truyền thống của chủ nghĩa cấu trúc, đặc biệt là phương pháp phân tích nhị nguyên luận<sup>2</sup> như tính tương phản giữa kí hiệu và đối tượng kí hiệu, việc sử dụng một cách hệ thống các mô thức trong thao tác dịch. *Comparative Stylistics of French and English: A Method for Translation* (1995) của Vinay và Darbelnet (Vinay & Darbelnet, 1995) là công trình tiêu biểu cho xu hướng phân tích phương pháp dịch thuật phổ biến này. Đặt công trình này trong hệ thống thuật ngữ ngôn ngữ học cấu trúc, ta thấy, phương pháp dịch thuật của Vinay et Darbelnet dựa trên tính hai mặt của các thuật ngữ đối

lập trong *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương* của Saussure (Saussure, 2005, 28-35, 12-19). Lý thuyết về hoạt động ngôn ngữ của Saussure được ứng dụng trong dịch thuật học về tính tương phản giữa hai phạm trù: cái biểu đạt và cái được biểu đạt (signifier / signified), ngôn ngữ và lời nói (language / speech), nghĩa sở thị và nghĩa liên tưởng (denotation / connotation), chất liệu và hình thức (substance / form), âm thanh và ý nghĩa (sound and meaning), đồng đại và lịch đại (synchrony / diachrony). Trong lịch sử nghiên cứu dịch thuật, lý thuyết hoạt động ngôn ngữ về quá trình nhân đôi của dịch thuật gắn liền với hệ thống thuật ngữ nhị phân của Saussure, đặc biệt là trong các chương trình giảng dạy, thực hành biên, phiên dịch. Mô thức tư duy tự động trong các thao tác thực hành về ký hiệu và đối tượng của dịch thuật đã trở thành công cụ hữu hiệu trong việc kích hoạt các kỹ năng của người dịch. Viễn cảnh này của dịch thuật đã được nhiều công trình nghiên cứu ứng dụng phân tích. Tiêu biểu như *Vocabulaire européen des philosophes: Dictionnaire des intraduisibles* cho rằng: Với quan hệ ngữ đoạn tương thuộc (« interdépendance syntagmatique ») Saussure đã quy chiếu đến một thực tế rằng trong mọi sự xếp đặt của ký hiệu, sự kết hợp các yếu tố vận hành như một « sản phẩm » của toán học trong chiều kích sự kết hợp này tạo dựng ý nghĩa độc lập so với nghĩa gốc ở các yếu tố tạo thành. Saussure bàn về « sự kết hợp của các yếu tố độc lập, mà giá trị đến duy nhất từ sự đóng góp cùng nhau với tư cách là một đơn vị lớn hơn » [Dẫn theo Dinda L. Gorlee, 2016].

Như vậy, từ lý thuyết của Saussure, dịch thuật mang lại một số lượng lớn các khái niệm bằng việc tạo dựng các hình ảnh có tính vô đoán tuyệt đối trong quan hệ nội tại của các kiểu từ phức<sup>3</sup>. Tuy nhiên, quan điểm của Saussure dựa trên ngữ pháp « toán học » lấy cứ liệu tiếng Pháp làm minh chứng chứ không phải cấu trúc của tiếng Đức (các yếu tố tương đồng bởi tiểu từ và tiền tố động từ) chẳng hạn. Tuy ông đã lưu ý tính phức tạp và đa dạng về mặt địa lý trong *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*:

“Tuy nhiên ở đây, chúng tôi sẽ gạt sang một bên tất cả những gì làm rối mắt trước quang cảnh đa dạng địa lý tự nhiên, để xét đến hiện tượng căn bản, vượt ra ngoài

<sup>1</sup> Theo thuật ngữ của Saussure là cái biểu đạt (signifier) và cái được biểu đạt (signified).

<sup>2</sup> Xem (Roland, 1964).

<sup>3</sup> Ví dụ mà Saussure đưa ra được Cassin dẫn lại là sự hình thành *désireux* từ *désir* trong tiếng Pháp.

mọi sự du nhập của ngoại ngữ và mọi sự hình thành của ngôn ngữ văn học. Lối đơn giản hóa có tính chất lược đồ này có vẻ như phương hại đến tính hiện thực, nhưng một sự kiện tự nhiên trước hết phải được nghiên cứu trong bản thân nó đã” (Saussure, 2005, 370).

Có thể nói, cấu trúc ngữ pháp hai mặt được phát triển từ tư tưởng của Saussure không hoàn toàn thích hợp ứng dụng lý thuyết cho việc chuyển ngữ từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác vì hành động chuyển ngữ làm nảy sinh nhiều thay đổi về mô thức, biến thể. Tuy nhiên, theo Morris, quan niệm dịch thuật “giữa hai ngôn ngữ” đi từ tư tưởng của Saussure lại gợi mở và cho phép làm sáng tỏ các yếu tố về cú pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng từ tư tưởng ký hiệu học của Peirce (Morris, 1964, 217-220). Tính tương đương hai mặt trong cấu trúc cố định của văn bản nguồn và văn bản đích có vai trò đối với dịch thuật ở chỗ cho phép sáp nhập cách phân loại tương phản để nắm bắt bằng phương pháp phân biệt ký hiệu và đối tượng trong hai ngôn ngữ. Vì theo Saussure, “[...] trong ngôn ngữ chỉ có những sự phân biệt mà thôi. Hơn nữa, một sự phân biệt nói chung thường là phân biệt giữa những yếu tố tích cực: nhưng trong ngôn ngữ thì chỉ có những sự phân biệt thuần túy, không có một cái gì làm thành về tích cực. Dù xét tới cái được biểu đạt hay cái biểu đạt<sup>4</sup>, trong ngôn ngữ vẫn không có sẵn những khái niệm hay những âm thanh, trước khi có hệ thống ngôn ngữ, mà chỉ có những sự phân biệt về khái niệm và những sự phân biệt về âm thanh nảy sinh ra từ hệ thống đó. Những gì thuộc về khái niệm hay chất liệu âm thanh trong ký hiệu không quan trọng bằng những cái gì tồn tại ở xung quanh nó, trong các ký hiệu khác. Chứng cứ là giá trị của một yếu tố, mặc dầu người ta không động chạm gì đến ý nghĩa hay âm thanh của nó, vẫn có thể thay đổi, mà như vậy chỉ vì một yếu tố khác ở bên ngoài đã thay đổi” (Saussure, 2005, 231).

Theo đó, tính hai mặt còn có thể được xem xét ở vai trò của dịch thuật trong việc sáng tạo hành vi xã hội giữa hoạt động ngôn ngữ và văn hóa, kết nối giữa hai ngôn ngữ và hai nền văn hóa. Tư tưởng về khả năng tương đương giữa hai phạm vi còn hướng nghiên cứu

dịch thuật đến với mô hình của Peirce: điểm nhìn (bình diện thứ nhất), ký ức (bình diện thứ hai) và kinh nghiệm (bình diện thứ ba) của dịch giả là các thành tố để tái dựng lại sự tương đương tổng thể của cho thông điệp đích. Thiết hiệu (semiose) và tương tác giữa ký hiệu (sign), đối tượng (object) và cái nhận hiểu (interpretant) của Peirce mang lại sự tinh tế cho hệ thống văn hóa trong tự sự của văn bản nguồn và văn bản đích.

Theo quan điểm của chúng tôi và từ các nghiên cứu trước đây về ký hiệu học dịch thuật, có ba chiều kích của vấn đề cần được làm rõ:

Thứ nhất, không nên quy chiếu lý thuyết ký hiệu học cấu trúc của Saussure để hiểu logic trong tư duy của dịch giả là sự đại diện cho các thao tác kỹ thuật đối xứng hay hợp nhất một đơn vị văn bản gốc và văn bản nguồn trong một ký hiệu để phân ra hai thành phần cái biểu đạt và cái được biểu đạt. Trong quan niệm của Saussure, ký hiệu có tính đại diện và là mẫu hình tiêu biểu cho sự tương tác giữa các ký hiệu nội tại và sự phụ thuộc đồng thời giữa khía cạnh vật chất của ký hiệu (cái biểu đạt) và đối tượng (cái được biểu đạt). Vậy nên, dịch thuật không đơn thuần thuộc phạm vi của cái biểu đạt, cái được biểu đạt cố định hay là sự hợp nhất giữa chúng mà bao hàm sự đọc có tính chất nước đôi của văn bản nguồn và văn bản đích, là cầu nối giữa dấu ấn của tác giả và dịch giả. Trong dịch thuật, dịch giả được xem như là tác giả thứ hai, siêu tác giả hoặc là đồng tác giả. Độc giả của văn bản dịch có thể tạo dựng một đồng - hình ảnh (pseudo-image) của văn bản gốc (Roland, 1964).

Sự dịch chuyển của ký hiệu ngoại tại (external sign) chứng minh một cách rõ nét các yếu tố ngôn ngữ học của thông điệp nguồn (từ, câu, phân đoạn) của Peirce – và sự lựa chọn cho thông điệp đích. Khi ta quyết định một sự lựa chọn trong quá trình dịch từ văn bản nguồn tới văn bản đích, hệ thống thuật ngữ của các thao tác chính là cái nhận hiểu (diễn giải - interpretant) của quá trình biểu đạt của ký hiệu, tuân theo một siêu - khái niệm diễn giải, tái tạo để chống lại các ký hiệu chuyển đổi và cân bằng mức độ chuyển đổi giữa văn bản nguồn và văn bản đích. Tiến trình này vừa mang tính chất ngôn ngữ học và bên ngoài ngôn ngữ học. Kinh nghiệm dịch thuật, vì thế, không chỉ là các thao tác kỹ thuật, thực hiện sự dịch chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, mà còn là một quá trình mang tính nghệ thuật và mỹ học đặt ngôn ngữ này trong một hệ thống ký hiệu

<sup>4</sup> Nhà nghiên cứu Cao Xuân Hạo dịch là *năng biểu* và *sở biểu*, chúng tôi dùng cách gọi tên phổ biến hiện nay: *cái được biểu đạt* và *cái biểu đạt*.

khác lớn hơn, có cả yếu tố bên ngoài ngôn ngữ. Tiến trình này cần được xem xét trong một tổng thể ký hiệu quyền (semiosphere – khái niệm của Yuri Lotman).

Thứ hai, sự chuyển đổi môi trường của các ký hiệu (môi trường của văn bản nguồn và văn bản đích) trong dịch thuật cần được xem xét ở phạm vi của phong cách học, cụ thể là vấn đề phong cách của chủ thể dịch thuật. Ở đây, khái niệm cá ngữ (idiolect) là trung tâm của các thao tác. Thoạt tiên, ta thấy, khái niệm này không có lợi ích trong vấn đề phong cách. Vì, đúng như Jakobson đã đặt vấn đề nghi ngờ về lợi ích của khái niệm này bởi hoạt động ngôn ngữ thì luôn được xã hội hóa, ngay cả ở phạm vi cá nhân (Roland, 1964, 36). Nhưng nếu chúng ta lật ngược lại công thức của khái niệm cá ngữ thì trong ký hiệu học dịch thuật, đây là một khái niệm rất hữu ích. Mô thức của hai ngôn ngữ trong một tình huống chuyển ngữ quy định toàn bộ phong cách dịch của bản thân dịch giả. Những cố gắng của chủ thể dịch (để chuyển tải được văn bản gốc, để tạo ra sự khác biệt với bản dịch trước, ...) không vượt qua được các yếu tố khách quan của thao tác dịch. Điều này tương tự với việc phong cách của một nhà văn, dù sao đi nữa, cũng xuất phát từ mô hình ngôn ngữ của cộng đồng. Tuy nhiên, sự chuyển hóa trong dịch thuật và sáng tạo của nhà văn khác nhau ở cấp độ của tính tự do. Phân tích dịch thuật dưới góc nhìn ký hiệu học bị quy định bởi một loạt các yếu tố khác nhau trong môi trường ký hiệu: chủ thể dịch, chủ thể văn bản gốc, ký hiệu văn hóa của văn bản nguồn và văn bản đích, sự dịch chuyển của các mô thức ngôn ngữ và ký hiệu, ...

Thứ ba là vấn đề tính tương đương giữa mô thức ký hiệu của văn bản gốc và mô thức ký hiệu trong văn bản nguồn. Ta sẽ thấy, tính tương đương của ký hiệu trong thao tác dịch không đơn thuần là sự chuyển dịch của một cái biểu đạt của cái được biểu đạt này bằng một cái biểu đạt khác. Xét trong lý thuyết của Saussure thì, cái cái biểu đạt trong văn bản đích là sự gợi nên hình ảnh âm (image acoustique) về cái được biểu đạt vốn có hữu trong tư tưởng của người tiếp nhận (kể cả văn bản nguồn và văn bản đích). Vì là “hình ảnh âm” nên quá trình này bị chi phối bởi cả hai thành phần: kinh nghiệm của cá nhân tính đặc thù của mỗi nền văn hóa. Xét trong lý thuyết ký hiệu tam phân của Peirce thì thao tác dịch được đặt trong thành phần diễn giải (interpretant). Có vô số sự diễn giải và quá trình diễn giải diễn ra không kết

thúc. Và như vậy, theo Peirce, tính đối thoại có thể được ký hiệu hóa và tái ký hiệu hóa bởi một đối tượng diễn giải mới, cho nên, sự suy biến của ký hiệu (khi ở trong văn bản nguồn) là một quá trình tất yếu. Quá trình này, một mặt, tạo ra tính năng động của ký hiệu ngôn ngữ (trong thích ứng với các mô thức ngôn ngữ, văn hóa mới), mặt khác, lại giúp cho chủ thể dịch có thể thể hiện được phong cách và tư duy cá nhân trong thao tác của mình.

Như vậy, ký hiệu học dịch thuật cho phép làm sáng tỏ nhiều khía cạnh khác nhau của thao tác chuyển ngữ. Chúng ta có thể liệt kê một số kết quả trong cách thức phân tích như: tính đa nghĩa, sự vận hành năng động của ký hiệu, phong cách cá nhân của chủ thể dịch thuật và các sợi dây đan chéo nhau của các khía cạnh mô thức ngôn ngữ và văn hóa. Phân tích dịch thuật từ góc nhìn ký hiệu học cho phép “bảo toàn” sự tự do và lí giải một cách thấu đáo những ràng buộc dành cho chủ thể trong quá trình dịch.

## 2.2. Hệ hình mới trong bối cảnh số hóa và vấn đề dịch thuật đa phương tiện

Sự phát triển nhanh chóng của quốc tế hóa và công nghệ hóa buộc chúng ta phải định giá lại cấu trúc cơ bản của các lĩnh vực, trong đó có vấn đề dịch thuật. Mô thức, quan hệ, các thực hành liên quan xã hội và văn hóa của dịch thuật sẽ biến đổi. Bối cảnh đó cho phép ta hình dung về quá trình dịch chuyển của các ca chuyển tiếp, thay đổi về công nghệ: từ nói đến viết, từ in ấn truyền thống đến công nghệ số. Sự xung đột của các hệ hình đang diễn ra: từ truyền thống (được hình thành dựa trên các văn bản cổ, văn bản tôn giáo và in ấn) đến văn hóa số ngày nay làm cho chủ thể không khỏi cân nhắc trong các thao tác dịch thuật khi biên, phiên dịch, phỏng dịch. Việc phân chia các văn bản “văn học” và “phi văn học” (công nghệ, thương mại, y học, luật pháp) trong bối cảnh số hóa chỉ là một giải pháp tình thế. Vì bản thân mọi loại hình văn bản đều tồn tại nghĩa sở thị và nghĩa liên tưởng. Và hành động biên dịch, một lần nữa, đã tạo dựng “cấu trúc nhân đôi” (duplex structures) cho văn bản. Phỏng dịch là trường hợp tiêu biểu của sự tạo dựng này ở các tình huống như: phỏng dịch thực chất là mô hình của thể gián tiếp: lời nói gián tiếp hoặc là những thông điệp ở bên trong một thông điệp; trường hợp tự nghĩa (autonymie) khi chủ thể giải thích một từ của ngôn ngữ nguồn trong ngôn ngữ đích (từ được dùng với tư cách là sự chỉ định của chính bản thân chúng).

Cấu trúc nhân đôi được minh chứng một cách cụ thể trong dịch thuật ở thao tác giải thích ngôn ngữ nguồn, ngữ giải thích, từ đồng nghĩa, thực chất là việc chuyển dịch ngữ từ một mô thức ngôn ngữ này sang một mô thức ngôn ngữ khác.

Tính hai mặt của hệ hình dịch thuật mới đang hình thành. Một mặt, khái niệm, thuật ngữ trở nên các phạm trù mang tính quy ước của dịch thuật được hình thành trên nền tảng của hệ hình tương đương đã phát triển theo khái niệm định hướng cho người tiếp nhận văn bản đích: tức là bước ngoặt của hệ hình có tính văn hóa. Mặt thứ nhất của hệ hình này tồn tại song song với một hệ hình khác đang chuyển đổi, phản ánh các công cụ hỗ trợ và phương tiện truyền thông vượt quá giới hạn của dịch thuật. Hệ hình in ấn truyền thống đã chuyển đổi thành hệ hình số và web (nơi mà văn bản dịch trở thành đa mô thức). Bối cảnh thay đổi này giải thích sự hình thành của các thuật ngữ mới để xác định những gì đã được gọi là « biên, phiên dịch » và tính nước đôi của cách gọi « văn bản » trong sáng tạo và tiếp nhận.

Văn hóa đa phương tiện và internet phát triển trên nền tảng công nghệ số cho phép tạo dựng các không gian ảo, đặc biệt là văn bản, đồ hình, âm thanh và hình ảnh tĩnh hoặc động bằng các công cụ hỗ trợ mới của siêu văn bản. Công cụ số đang thay đổi quan hệ dịch thuật với các phạm trù văn bản mới. Với siêu văn bản, các khía cạnh thuộc thị giác trong văn bản và chiều kích hình ảnh đã dần trở nên phổ biến. Không gian số mới với các nền tảng của cận văn bản (paratext) đòi hỏi một hình thức mới của biên, phiên dịch: cận dịch (paratranslation). Hiện tượng tiêu biểu của bối cảnh này là dịch thuật đa phương tiện<sup>5</sup>. Dịch thuật đa phương tiện đặt nhiệm vụ của mình trước một đối tượng hàm chứa các yếu tố phức tạp trong cấu thành nội tại và các tương quan. Ví dụ tiêu biểu là trường hợp dịch văn bản một bộ phim từ một hệ thống văn hóa gốc sang một hệ thống văn hóa khác. Ở đây, chủ thể dịch phải lưu ý đến sự tương tác giữa các kênh (thính giác và thị giác) và các mã (bao gồm các biến thể) ngôn ngữ học. Bởi vì, tính đa mã (multi-codes) là đặc trưng nổi bật của loại hình dịch thuật này: từ sự kết hợp của âm thanh (bao hàm cả các

hội thoại, tiếng động), hình ảnh và các kỹ thuật điện ảnh (cận cảnh, tóm lược, hồi ức, điểm xuyết) đặt ra nhiều vấn đề khi xem xét từ lý thuyết kí hiệu học. Việc phân tích tính phức hợp của văn bản được tạo nên bởi các ngôn ngữ khác nhau hoặc các hệ thống ký hiệu học khác nhau cũng như các thực thể ngữ nghĩa mà chúng tạo ra là nhiệm vụ căn bản của kí hiệu học dịch thuật đa phương tiện. Tuy nhiên, dù hoạt động ngôn ngữ điện ảnh dựa trên mối liên-quan hệ giữa các mã khác nhau: hình ảnh, ngôn ngữ viết và âm thanh thì mã ngôn ngữ phân tiết vẫn là yếu tố cơ bản để xem xét. Vì các mã khác được hình thành dựa vào kinh nghiệm của chủ thể tiếp nhận hơn là vai trò của dịch thuật văn bản đối thoại. Trong phạm vi này, mối tương quan giữa các kí hiệu trong văn bản, âm thanh và hình ảnh trở nên quan trọng. Cả ba đều có tính đại diện cho một đối tượng vắng mặt, nhưng chúng hình thành kí hiệu dựa trên các nguyên tắc khác nhau quy định tính khác biệt của tiếp nhận. Cách nói của nhân vật, tiếng động, âm nhạc, cảnh sắc, ... cùng lúc phát huy khả năng để làm sáng tỏ chủ đề. Dịch hội thoại cần chú ý đến thời điểm xuất hiện trong mối tương quan với âm thanh, hình ảnh và bối cảnh của chủ thể phát ngôn.

Mục đích của dịch thuật nói chung là tạo ra kết quả giống với nguyên bản, bao hàm cả việc sử dụng từ ngữ khác trong trường hợp cần thiết hoặc nhờ đến các yếu tố văn hóa cho sự nhận hiểu của công chúng trong ngôn ngữ đích. Trong trường hợp của dịch thuật đa phương tiện, ý kiến của Herbst:

“Mô thức gốc không quan trọng, quan trọng là trong mỗi cảnh, mọi yếu tố liên quan trong tiến trình phát triển của cốt truyện phải được dịch và sự tương đương về đặc điểm của nhân vật phải được chuyển tải trên màn hình”<sup>6</sup> (Herbst, 1996, 105). làm cho chúng ta cần xem xét đến mức độ tuân thủ của các mô hình kí hiệu. Đối với phạm vi ngôn ngữ phân tiết, tiêu chuẩn phương tiện, so sánh này cần được tính đến các yếu tố tương quan như chúng tôi đã nói đến trên đây. Do vậy, đánh giá có thể đặt vào việc so sánh mô hình gốc và mô hình dịch. Nhưng trong trường hợp dịch thuật đa việc

<sup>5</sup> Dịch thuật đa phương tiện bao gồm nhiều lĩnh vực và sản phẩm đa phương tiện khác nhau như: dịch phụ đề phim, dịch phần mềm, dịch dữ liệu, dịch trang web, ...

<sup>6</sup> “The wording of the original does not matter, what matters is that all plot-carrying elements of a scene should be translated and that some kind of equivalence of the characters’ personality on screen should be maintained”.

quan tâm đến ngữ dụng học trong dịch thuật đa phương tiện là hết sức cần thiết<sup>7</sup>. Nó cho phép dịch giả đưa ra các giải pháp có căn cứ để chuyển tải các ý nghĩa của bản gốc. Như vậy, sự chuyển đổi của bối cảnh và đa dạng hóa hình thức của đối tượng đặt ra cho kí hiệu học dịch thuật các nhiệm vụ mới trong việc mở rộng khả năng phân tích. Tiềm năng của lý thuyết nhị phân về kí hiệu của Saussure và tam phân của Peirce đã được chứng minh với những đối tượng phức hợp trước đây (Roland, 1964). Xem xét bối cảnh số hóa, dịch thuật đa phương tiện từ góc nhìn kí hiệu học góp phần lượng hóa và thúc đẩy khả năng thành công của dịch thuật – một lĩnh vực phát triển tất yếu và rất cần thiết trong thời đại toàn cầu hóa đa dạng ngày nay.

### 3. Kết luận

Kí hiệu học là ngành nghiên cứu về kí hiệu. Nghiên cứu về quá trình biểu đạt không đặt ra vấn đề những gì mà ký hiệu biểu đạt mà là việc chúng biểu đạt bằng cách nào, từ đối tượng quy chiếu đến kí hiệu. Lý thuyết của Saussure đặt ra vấn đề liên quan ký hiệu nội tại, trong lúc đó, ký hiệu – diễn giải ngoại tại của Peirce đặt ra vấn đề môi trường xung quanh ký hiệu và đối tượng. Tính nhị nguyên, sự phân biệt đối lập của hai mặt là công cụ cơ bản để phân tích các khía cạnh biểu đạt của hoạt động ngôn ngữ và văn hóa, sự khác biệt trong thời gian và không gian, giữa ký hiệu và những gì nó đại diện cho, đối tượng và tiềm năng về tư tưởng của ký hiệu nhận hiểu bởi chủ thể. Kí hiệu và đối tượng trong dịch thuật được nhận dạng và xác định rõ hơn trong ký hiệu diễn giải của Peirce. Hoạt động của ký hiệu học dịch thuật, như đã phân tích trên đây, chính là sự phân biệt các trật tự quan hệ của diễn giải (bản thân nó là ký hiệu) trên nền tảng của ký hiệu và đối tượng. Tư tưởng của Peirce và Saussure về ký hiệu học ứng dụng trong trường hợp

dịch thuật đã làm đảo lộn cách tiếp cận truyền thống của dịch thuật học. Nó cho phép giải đáp một cách cụ thể ranh giới giữa khả dịch và bất khả dịch, khả năng tương đương và không tương đương, trung thành và phản, vai trò và chức năng của các thao tác dịch. Triển vọng của ứng dụng này là có thể cho phép xác định các khái niệm dịch và dịch lại, số phận một văn bản nguồn, văn bản gốc và các vấn đề kí hiệu học khác về dịch thuật như hiện tượng mã hóa và không mã hóa trong phạm trù liên-thiết hiệu (intersémiotique) của Peirce.

Ký hiệu học dịch thuật là một khái niệm năng động, có thể thích ứng với các bối cảnh và phạm vi khác nhau. Khi hệ hình và bối cảnh thay đổi, những yếu tố nội tại và ngoại tại của nó buộc phải mở rộng hoặc thay đổi chiều hướng phân tích và ứng dụng như trong trường hợp bối cảnh số hóa mà chúng tôi đã phân tích trên đây. Tuy nhiên, mọi sự thay đổi đều phải được quy về ở các dạng khác nhau của tính hai mặt (tư tưởng của Saussure) hoặc sự năng động của ký hiệu (tư tưởng của Peirce). Chính nguyên tắc này giúp nhà nghiên cứu không đi chệch ra ngoài quỹ đạo của ngành khoa học.

### Tài liệu tham khảo

- Barbara, C. (2014). *European vocabulary of philosophies (Dictionary of untranslatable) [Vocabulaire européen des philosophies (Dictionnaire des intraduisibles)]*. Le Seuil/Le Robert.
- Catford, J. C. (1965). *A Linguistic Theory of Translation: An Essay in Applied Linguistics*. 6th ed. Oxford University Press.
- Chesterman, A. (1997). *Memes of Translation: The Spread of Ideas in Translation Theory*. John Benjamins.
- Delabastita, D. (1989). Translation and mass-communication: Film and TV. Translation as evidence of cultural dynamics. *Babel*, 4(35), 193–218.
- Deledalle-Rhodes, J. (1988). Translation in semiotic systems (La traduction dans les systèmes sémiotiques). *Literary Studies*, 3(21), 211–221.
- Di Giovanni, E. (2014). Audio description and textuality. *Paralleles*, 26, 69–83.

<sup>7</sup> Peirce là người đầu tiên dành sự quan tâm đến mối liên hệ giữa kí hiệu với người sử dụng. Ba bình diện của kí hiệu học trong phân tích cần được xem xét là: bình diện kết học (nghiên cứu mối quan hệ giữa ký hiệu với ký hiệu, tức mối quan hệ hình thức giữa các ký hiệu trong cấu trúc), bình diện nghĩa học (nghiên cứu mối quan hệ giữa ký hiệu và hiện thực) và bình diện dụng học (nghiên cứu mối quan hệ giữa ký hiệu với người sử dụng trong ngữ cảnh) (T. Q. Nguyen, 2017).

- Gambier, Y. (2016). Translation and text: towards a new double paradigm (Traduction et texte: Vers un nouveau double paradigme). *Signata*, 7, 175-197.
- Gorlee, D. L. (1990). Degeneracy: A Reading of Peirce's Writing. *Semiotica*, 81(1/2), 71-92.
- Gorlee, D. L. (1994). *Semiotics and the Problem of Translation: With Special Reference to the Semiotics of Charles S. Peirce*. (Approaches to Translation Studies 12). Brill.
- Gorlee, D. L. (2016). From translation to semiotranslation (De la traduction à la sémiotraduction). *Signata*, 7, 57-59.
- Gottlieb, H. (2015). *Multidimensional translation: Semantics turned semiotics*. In MuTra 2005 – Challenges of Multidimensional Translation: Conference Proceedings, Heidrun Gerzymisch-Arbogast & Sandra Nauert (eds).
- Herbst, T. (1996). *Why dubbing is impossible*. Multimedia translation for cinema, television and stage, Christine Heiss and Rosa Maria Bollettieri Bosinelli (eds.), Bologna.
- Jakobson, R. (1959). *On Linguistic Aspects of Translation*. Brower (ed.). Oxford University Press.
- Lancien, T. (2000). Multimedia: changes in the text (Multimédias: Les mutations du texte). *Contemporary French Newspaper*, 6, May, 2000.
- Lawendowski, B. (1978). *On semiotic aspects of translation*. Sight, Sound and Sense, Thomas A. Sebeok (ed.). Indiana University Press.
- Ludskanov, A. (1975). A semiotic approach to the theory of translation. *Language Sciences*, 35, 5-8.
- Mai, N. C. (2008). *An introduction to linguistics (Nhập môn ngôn ngữ học)*. Education.
- Morris, C. (1946). *Signs, Language, and Behavior*. George Braziller.
- Nguyen, D. B. (2016). Poetic translation (through some poems translated from French to Vietnamese) [Thi pháp dịch thuật (qua một số bản dịch thơ Pháp – Việt)]. *Journal of Literature Studies*, 2, 42-54.
- Nguyen, Q. T. (2017). Semiosis in some literary theory categories. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, 7(5), 53-59. <https://doi.org/10.47393/jshe.v7i5.828>
- Nguyen, T. G. (1997). *An introduction to linguistics (Dẫn luận ngôn ngữ học)*. Education.
- Paolinelli Mario, D. F. E. (2005). *Translate for dubbing. Linguistic transposition of the audiovisual: theory and practice of an imperfect art (Tradurre per il doppiaggio. Trasposizione linguistica dell'audiovisivo: Teoria e pratica di un'arte imperfetta)*. Hoepli, Milano.
- Peirce, C. S. (n.d.). *Collected Papers of Charles S. Peirce, Charles HARTSHORNE, Paul WEISS, and Arthur W. BURKS (eds.)*. 8 vols. Belknap Press of Harvard University Press.
- Roland, B. (1964). *Elements of Semiology (Cơ sở ký hiệu học)* (T. Q. Nguyen, Trans.). Tong hop.
- Roland, B. (2020). *The death of the author (Cái chết của tác giả)* (T. Q. Nguyen, Trans.) <http://www.vanhoanghean.com.vn>.
- Rovena, T. (2015). *On the concept of translation: A perspective based on Greimassian semiotics*. Semiotica.
- Saussure, F. D. (2005). *Coursebook: General linguistics (Giáo trình ngôn ngữ học đại cương)* (H. X. Cao, Trans.). Social Sciences.
- Toury, G. (1980). *In Search of a Theory of Translation*. The Porter Institute for Poetics and Semiotics, Tel Aviv University.
- Velez, A. (2012). Multimedia translation and regional voices: the French version of the film Respiro by Emanuele Crialese (Traduction multimédia et voix régionales: La version française du film Respiro d'Emanuele Crialese). *Translate*, 227, 101-116.
- Vinay, J.-P., & Darbelnet, J. (1995). *Comparative Stylistics of French and English: A Method for Translation*. John Benjamins.
- Wellek, R., & Warren, Austin. (1963). *Style and Stylistics*. Wellek & Warren, Theory of Literature: A Seminal Study of the Nature and Function of Literature in All Its Contexts, 3rd Ed. Penguin, 174-185.

## SEMIOTICS OF TRANSLATION: SIGN AND PARADIGM IN CONTEXT OF DIGITALIZATION

**Nguyen Quoc Thang**

*Van Lang University, Vietnam*

*Author corresponding: Nguyen Quoc Thang - Email: [thang.nq@vlu.edu.vn](mailto:thang.nq@vlu.edu.vn)*

Article History: Received on 04<sup>th</sup> January 2021; Revised on 15<sup>th</sup> May 2021; Published on 17<sup>th</sup> June 2021

**Abstract:** Through the two angles of the semiotic approach, this study investigates translation from the perspective of semiotics and the paradigm of the semiotics of translation. Semiotics of translation and how to build up our knowledge of this area in the context of digitalization cannot be separated from the theoretical origin of signs. Therefore, the current study, on the one hand, raises several theoretical issues for discussion, and on the other hand, makes some methodological recommendations.

**Key words:** paradigm; sign; semiotics; semiotics of translation; digitalization.